

Bản án số: 22/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 14/8/2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà L Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2020 giữa các đ sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1977 (có mặt).

Trú quán: Bản M, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phô H, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Phan Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Mạnh D vào 1996 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ. Vì vậy vợ chồng thường xảy ra bất đồng cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị H xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung Nguyễn Mạnh H sinh ngày 9/8/1997 con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay con chung đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh D đến làm việc nhưng anh D không chấp hành qua xác minh tại gia đình ông Nguyễn Mạnh C là bố đẻ anh D có sự chứng kiến của chính quyền địa phương ông C cho biết anh D và chị H kết hôn năm 1996 và sinh được 1 người con là Nguyễn Mạnh H sinh năm 1997 hiện cháu H đã trưởng thành tự làm nuôi sống bản thân. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn ban đầu do làm ăn thua lỗ kinh tế khó khăn nợ nần vì vậy vợ chồng sang Trung Quốc làm ăn đến năm 2016 vợ chồng về nước từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau gay gắt. Nguyên nhân do anh D nghi ngờ chị H có quan hệ nam nữ bất chính vì vậy vợ chồng thường đánh cãi chửi nhau mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng vẫn nghi ngờ mâu thuẫn ghen tuông đánh, cãi, chửi nhau. Đến năm 2017, chị H về nhà mẹ đẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân anh D đi làm ăn, nay đây mai đó không có địa chỉ cụ thể. Quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn ông C đã gọi điện thông báo cho anh D biết việc chị H xin ly hôn. Anh D nói, vợ chồng anh ly thân đã lâu, tình cảm không còn, anh đồng ý ly hôn chị H. Vì anh làm ăn ở xa không có điều kiện về giải quyết được, anh đề nghị Tòa án xử vắng mặt anh. Con chung, tài sản, công nợ anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H: Xử cho chị H được ly hôn anh D.

- Về con chung, tài sản, công nợ chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Phan Thị H và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh D có địa chỉ thị trấn P, huyện Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh D đã được gia đình thông báo nhưng không có mặt vì vậy vụ án không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 30/7/2020 anh D vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt. Căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Mạnh D.

[2] Về nội dung: Chị Phan Thị H kết hôn cùng anh Nguyễn Mạnh D năm 1996 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Qua lời khai của chị H, xác minh tại địa phương như lời khai của ông Nguyễn Mạnh C là bố anh Nguyễn Mạnh D đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng ghen tuông, không tin tưởng nhau vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị H là có căn cứ chấp nhận: Cần áp dụng điều 56 luật hôn nhân gia đình xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Mạnh D.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Mạnh H sinh ngày 09/8/1997. Nay cháu H đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết. nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D.

Về con chung, tài sản, công nợ chị H không yêu cầu giải quyết.

Về tiền án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0002319 ngày 19/5/2020 do Chi cục Thi hành án huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Đ sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đ sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đ sự;
- Lưu HS;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh